TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 27/01/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Toàn

Bà Đỗ Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2021/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2021/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lê H**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 387/17, tổ 10, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Bà **Trần P**, sinh năm 1964.

Địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Số 387/17, tổ 10, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Do có đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê H.

(Ông H, bà Pcó mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê H trình bày:

Ông và bà Trần P chung sống vào năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hiệp Phước (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 05 ngày 11/6/1999).

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tôn trọng nhau, ngoài ra còn nhiều mâu thuẫn khác. Thực tế thì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã lâu dài, ông và bà Psống ly thân nhau cách nay 05 năm, mặc dù còn ở chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai. Hàng ngày ông vẫn đưa tiền chợ cho bà Pđể lo cho gia đình. Việc bà Pnghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng. Ông thừa nhận có ở nhà người bạn vào ban đêm như bà Pkhai, nhưng người đó chỉ là bạn bè (bạn gái bình thường), không phải có quan hệ nam nữ.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông chưa được chính quyền địa phương hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay ông cương quyết ly hôn với bà Pvì mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải đoàn tụ được nữa.

- Về con chung: có 02 cháu là Lê N, sinh ngày 10/02/2001 và Lê A, sinh ngày 02/7/2004. Hiện nay cháu Nđã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu An thì ông đồng ý giao cho bà Pnuôi, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu An mỗi tháng 6.000.000 đồng.

- Tài sản chung: không có.

- Nợ chung: không có.

Bị đơn bà Trần P trình bày:

- Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo ông H trình bày là đúng.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà nghi ngờ ông H có quan hệ với người phụ nữ khác (trước đây có lần bà phát hiện ông H gọi điện thoại Vidieo với người phụ nữ khác). Ngoài ra vào ngày 17/4/2020 tình cờ bà phát hiện ông H đến nhà một người phụ nữ ở Long Thành vào tầm 23 giờ đêm, bà thấy xe hon da của ông H ở nhà của người đó, khi bà gọi cửa thì thấy ông H đi từ trong buồng ra. Sau khi về nhà, bà muốn nói chuyện thì ông H nói cứ làm đơn ly hôn đi.

Nay ông H xin ly hôn, bà không đồng ý vì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông bà không sống ly thân nhau mà vẫn sống chung nhà, hàng ngày ông H vẫn đưa tiền để bà đi chợ lo cho gia đình. Nay con cái đang trong tuổi phát triển, bà mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ để lo cho các con đến khi trưởng thành.

Việc ông H khai chỉ có quan hệ bạn bè đơn thuần với người phụ nữ khác là không đúng. Chỉ từ sau khi bà phát hiện ra ông H ở nhà người phụ nữ (nhà ở huyện Long Thành) vào đêm thì thái độ của ông H thay đổi, về nhà mới làm đơn ly hôn với bà.

- Về con chung: có 02 cháu là Lê N, sinh ngày 10/02/2001 và Lê A, sinh ngày 02/7/2004. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi cháu An, việc ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng, bà chấp nhận. Đối với cháu Nđã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2021/HNGĐ-ST ngày 14-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H về việc "Ly hôn" đối với bà Trần P.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 17/5/2021, nguyên đơn ông Lê H có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2021/HNGĐ-ST ngày 14/05/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, và ngày 23/7/2021 ông H có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án tỉnh Đồng Nai giải quyết cho ông được ly hôn với bà Pvà giải quyết luôn việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà P là trầm trọng, thực tế ông H đã 02 lần nộp đơn ly hôn với bà P, bà P không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để ông H quay về đoàn tụ với bà, tại đơn kháng cáo ông H trình bày nếu Tòa án không đồng ý giải quyết cho ông được ly hôn với bà Pthì ông sẽ không quay trở về đoàn tụ với bà P mà sẽ tiếp tục nộp đơn ly hôn, hiện nay ông H và bà P đã sống ly thân với nhau. Xét khả năng đoàn tụ giữa ông H và bà P là không còn nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Lê H, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Nguyên đơn ông Lê H gửi đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của ông H, ông H yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn và đề nghị giải quyết vấn đề nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông H và bà P thực tế đã không còn tình cảm với nhau nữa, bà Pcho rằng ông quan hệ với người phụ nữ khác, còn ông H lại xác định không còn tình cảm với bà P, hai bên không hợp nhau nên cuộc sống luôn căng thẳng, nặng nề. Ông H trình bày đã sống ly thân với bà P hai năm nhưng bà P lại xác định ông vẫn còn sống chung và lo lắng cho bà và các con. Tuy nhiên, theo đơn xin xác nhận của ông H đề ngày 04/01/2022 thì ông H cũng trình bày ông và bà P không còn sống chung từ năm 2018, được chính quyền địa phương xác nhận. Hơn nữa, ông H cũng đã từng làm đơn xin ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng sau đó cả hai vẫn không có tiếng nói chung nên ông lại nộp đơn xin ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù qua phân tích, giải thích để vợ chồng hàn gắn nhưng ông H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Nhận thấy, tình cảm phải xuất phát từ hai phía, ông H kiên quyết xin ly hôn, bà P cũng không có cách nào để khuyên nhủ ông H hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn ly hôn của ông H là không có căn cứ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà P là trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng hòa giải, đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Lê H, cho ông H được ly hôn với bà P.

Về con chung: Theo ông H, bà P trình bày ông bà có hai con chung là Lê N, sinh ngày 10/02/2001 và Lê A, sinh ngày 02/7/2004. Cháu N đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P cũng trình bày nếu ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cháu A và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu A cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai không có, tại Tòa án cấp sơ thẩm bà Pkhông yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét là đúng.

[3] Về án phí: Ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (vì là người cao tuổi).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê H. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2021/HNGĐ-ST ngày 14-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82,83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H về việc "Ly hôn" đối với bà Trần P.

2. Về con chung: Hiện cháu Lê N, sinh ngày 10/02/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Giao cháu Lê A, sinh ngày 02/7/2004 cho bà Trần P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê H cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*). Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu An đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về phí sơ thẩm: Hoàn trả cho ông Lê H 300.000 tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000825 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Án phí phúc thẩm: Ông H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H.Nhơn Trạch;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS H.Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Thu Hương